

Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Building a better
working world

Công ty Cổ phần nước giải khát Chương Dương

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26

0.0
CÔ
CÔ
C
ÚM
T.A

Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp ("GCNDKDN") số 4103002362 ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, và các GCNDKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống, sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu và bao bì.

Công ty có trụ sở chính tại Số 606, Đường Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đức Hòa	Chủ tịch	
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên	
Ông Lê Tuấn	Thành viên	
Ông Võ Văn Thọ	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên	miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Chí Hùng	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên	
Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Quang Dũng	Giám đốc Điều hành Sản xuất kiểm Giám đốc Cung ứng Kho vận	
Bà Nguyễn Thúy Phương	Giám đốc Tài chính kiểm Giám đốc Kinh doanh	miễn nhiệm Giám đốc Kinh doanh ngày 01 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Văn Thọ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2017



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61283614/18741223

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương ("Công ty") được lập ngày 2 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 26, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

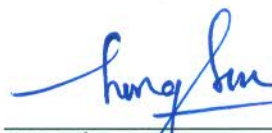
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh về báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1



Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		242.516.249.560	225.311.490.724
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	58.778.051.271	20.744.102.063
111	1. Tiền		38.778.051.271	20.744.102.063
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		92.000.000.000	130.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	92.000.000.000	130.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		76.642.832.767	59.735.704.402
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	74.635.321.862	52.953.855.002
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		362.493.976	126.796.347
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.755.116.937	6.765.153.061
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(110.100.008)	(110.100.008)
140	IV. Hàng tồn kho	8	14.749.245.481	13.893.741.033
141	1. Hàng tồn kho		15.526.529.556	13.893.741.033
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(777.284.075)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		346.120.041	937.943.226
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		346.120.041	350.253.301
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	587.689.925
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		52.098.852.626	60.769.552.904
220	I. Tài sản cố định		14.414.150.304	38.667.667.260
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	14.295.862.472	17.268.801.123
222	Nguyên giá		58.320.874.036	66.190.175.469
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(44.025.011.564)	(48.921.374.346)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	118.287.832	21.398.866.137
228	Nguyên giá		1.300.192.426	22.378.109.926
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.181.904.594)	(979.243.789)
230	II. Bất động sản đầu tư	11	23.808.760.680	-
231	1. Nguyên giá		23.808.760.680	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		378.847.205	3.090.433.809
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		378.847.205	3.090.433.809
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		6.500.000.000	6.500.000.000
253	1. Đầu tư dài hạn khác	5.2	6.500.000.000	6.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.997.094.437	12.511.451.835
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.027.733.533	5.795.096.523
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		222.212.867	222.212.867
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		4.747.148.037	6.494.142.445
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		294.615.102.186	286.081.043.628

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		81.900.153.681	85.460.061.296
310	I. Nợ ngắn hạn		81.280.153.681	84.840.061.296
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	39.297.153.531	29.845.706.983
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		342.456.562	7.332.549.456
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	11.465.588.542	7.544.816.467
314	4. Phải trả người lao động		8.205.672.404	9.624.803.636
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	18.733.468.475	25.950.113.889
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	520.977.778
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.066.031.703	1.089.118.353
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.169.782.464	2.931.974.734
330	II. Nợ dài hạn		620.000.000	620.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	620.000.000	620.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		212.714.948.505	200.620.982.332
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	212.714.948.505	200.620.982.332
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		85.000.000.000	85.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		85.000.000.000	85.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(347.276.838)	(347.276.838)
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		104.057.535.579	95.110.162.913
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.004.689.764	20.858.096.257
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối năm nay		24.004.689.764	20.858.096.257
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		294.615.102.186	286.081.043.628



[Signature]
Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập

[Signature]
Nguyễn Kiên Quốc
Kế toán trưởng

[Signature]
Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	449.372.715.733	373.353.790.592
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(32.366.745.276)	(27.680.107.329)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	417.005.970.457	345.673.683.263
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ		(293.231.679.856)	(248.732.290.754)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		123.774.290.601	96.941.392.509
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	6.866.527.878	12.011.095.768
22	7. Chi phí tài chính		(60.467.832)	(105.457.732)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(37.777.778)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(58.218.851.250)	(51.001.590.086)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(35.438.093.162)	(33.536.610.944)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.923.406.235	24.308.829.515
31	11. Thu nhập khác	23	4.265.975.480	8.916.193.953
32	12. Chi phí khác	23	(3.306.105.226)	(193.752.389)
40	13. Lợi nhuận khác	23	959.870.254	8.722.441.564
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.883.276.489	33.031.271.079
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(7.877.414.283)	(6.860.697.758)
60	16. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		30.005.862.206	26.170.573.321
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.5	3.185	2.778
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.5	3.185	2.778

Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập

Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng

Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc



Ngày 2 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.883.276.489	33.031.271.079
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9, 10	3.849.810.218	3.739.104.021
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		777.284.075	(1.884.293.619)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(1.439.169)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.257.728.678)	(9.252.314.385)
06	Chi phí tài chính		-	37.777.778
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.252.642.104	25.670.105.705
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(10.859.087.618)	26.923.044.589
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.632.788.523)	2.997.951.561
11	Giảm các khoản phải trả		(1.386.195.052)	(23.115.966.562)
12	Giảm chi phí trả trước		4.133.260	9.490.053.938
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(37.777.778)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.288.934.576)	(609.263.314)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.957.628.303)	(3.313.135.988)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.132.141.292	38.005.012.151
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(639.900.000)	(1.783.109.740)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.411.348.328	-
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(369.900.000.000)	(230.000.000.000)
24	Thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		407.900.000.000	205.000.000.000
27	Thu lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		6.846.819.588	10.857.522.718
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		45.618.267.916	(15.925.587.022)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	8.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(8.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	18.3	(12.716.460.000)	(13.559.059.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(12.716.460.000)	(13.559.059.800)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		38.033.949.208	8.520.365.329
60	Tiền đầu năm	4	20.744.102.063	12.222.297.565
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.439.169
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	58.778.051.271	20.744.102.063

Handwritten signature

Handwritten signature



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập

Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng

Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp ("GCNDKDN") số 4103002362 ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, và các GCNDKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống, sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu và bao bì.

Công ty có trụ sở chính tại Số 606, Đường Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 429 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 388 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật kí chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
dụng cụ

Thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 19 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
Khác	10 năm
Phần mềm	5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền trong đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế TNDN của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	143.460.273	45.971.050
Tiền gửi ngân hàng	38.634.590.998	20.698.131.013
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	58.778.051.271	20.744.102.063

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kì hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất 4,3 – 4,8 %/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới một (1) năm, và hưởng lãi suất 5,3%/ năm.

5.2 Đầu tư dài hạn khác

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn Tây Đô	650.000	6.500.000.000	650.000	6.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên thứ ba	74.635.321.862	52.953.855.002
- Công ty TNHH Hoàng Tuấn	24.979.704.412	21.239.525.068
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hiếu Huy	16.376.647.082	3.767.660.623
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Trang	10.690.348.612	-
- Khách hàng khác	22.588.621.756	27.946.669.311
TỔNG CỘNG	74.635.321.862	52.953.855.002
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(110.100.008)	(110.100.008)
GIÁ TRỊ THUẦN	74.525.221.854	52.843.754.994

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền lãi tiền gửi	1.025.166.667	-
Tiền gửi ngắn hạn	339.621.544	31.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	211.414.600	162.075.600
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	6.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	178.914.126	272.077.461
TỔNG CỘNG	1.755.116.937	6.765.153.061

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	10.575.402.122	11.174.597.966
Thành phẩm	4.826.475.564	2.553.647.173
Công cụ dụng cụ	124.651.870	165.495.894
TỔNG CỘNG	15.526.529.556	13.893.741.033
Dự phòng	(777.284.075)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	14.749.245.481	13.893.741.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	7.960.750.637	47.168.756.147	10.562.500.685	498.168.000	66.190.175.469
Mua trong năm	-	620.700.000	-	-	620.700.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	53.950.000	-	-	53.950.000
Thanh lý	-	(8.404.246.340)	(139.705.093)	-	(8.543.951.433)
Số dư cuối năm	<u>7.960.750.637</u>	<u>39.439.159.807</u>	<u>10.422.795.592</u>	<u>498.168.000</u>	<u>58.320.874.036</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.468.481.906	28.498.414.245	2.590.237.239	308.557.774	33.865.691.164
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	(3.833.646.096)	(39.661.474.432)	(5.066.368.066)	(359.885.752)	(48.921.374.346)
Khấu hao trong năm	(559.634.415)	(1.877.506.520)	(1.174.982.832)	(35.025.646)	(3.647.149.413)
Thanh lý	-	8.403.807.102	139.705.093	-	8.543.512.195
Số dư cuối năm	<u>(4.393.280.511)</u>	<u>(33.135.173.850)</u>	<u>(6.101.645.805)</u>	<u>(394.911.398)</u>	<u>(44.025.011.564)</u>
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	<u>4.127.104.541</u>	<u>7.507.281.715</u>	<u>5.496.132.619</u>	<u>138.282.248</u>	<u>17.268.801.123</u>
Số dư cuối năm	<u>3.567.470.126</u>	<u>6.303.985.957</u>	<u>4.321.149.787</u>	<u>103.256.602</u>	<u>14.295.862.472</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	21.077.917.500	104.000.000	1.196.192.426	22.378.109.926
Phân loại sang bất động sản đầu tư	<u>(21.077.917.500)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(21.077.917.500)</u>
Số cuối năm	-	104.000.000	1.196.192.426	1.300.192.426
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	247.888.400	247.888.400
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	(36.833.335)	(942.410.454)	(979.243.789)
Hao mòn trong năm	<u>-</u>	<u>(13.000.000)</u>	<u>(189.660.805)</u>	<u>(202.660.805)</u>
Số cuối năm	-	(49.833.335)	(1.132.071.259)	(1.181.904.594)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	21.077.917.500	67.166.665	253.781.972	21.398.866.137
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>54.166.665</u>	<u>64.121.167</u>	<u>118.287.832</u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHỜ TĂNG GIÁ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuê tọa lạc tại khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá để chuyển nhượng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên biên bản làm việc với các đối tác tiềm năng, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí chai, kết trả trước	<u>2.027.733.533</u>	<u>5.795.096.523</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Baosteel Can Making Việt Nam	20.280.057.793	12.673.251.088
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Minh	9.926.385.000	6.385.155.000
Phải trả đối tượng khác	<u>9.090.710.738</u>	<u>10.787.300.895</u>
TỔNG CỘNG	<u>39.297.153.531</u>	<u>29.845.706.983</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Trả (cán trừ) trong năm	VND Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.643.049.254	15.218.355.804	(15.138.468.702)	2.722.936.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24)	4.898.465.173	7.877.414.283	(9.288.934.576)	3.486.944.880
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.069.712.085	(908.846.459)	160.865.626
Thuế tài nguyên	-	10.806.081.110	(5.712.706.150)	5.093.374.960
Khác	3.302.040	128.780.273	(130.615.593)	1.466.720
TỔNG CỘNG	7.544.816.467	35.100.343.555	(31.179.571.480)	11.465.588.542

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ, khuyến mãi và quảng cáo	12.542.129.039	18.249.744.144
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	4.181.798.290	3.985.441.694
Chi phí thuê đất	785.664.000	2.845.760.000
Chi phí phải trả khác	1.223.877.146	869.168.051
TỔNG CỘNG	18.733.468.475	25.950.113.889

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	590.388.800	655.293.200
Chi trả cổ tức	240.088.450	239.651.450
Phải trả khác	235.554.453	194.173.703
TỔNG CỘNG	1.066.031.703	1.089.118.353

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Tiền đặt cọc từ các công ty vận chuyển	600.000.000	600.000.000
Khác	20.000.000	20.000.000
TỔNG CỘNG	620.000.000	620.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
VND					
Năm trước					
Số đầu năm	85.000.000.000	(347.276.838)	85.493.818.878	20.563.510.703	190.710.052.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	26.170.573.321	26.170.573.321
Cổ tức công bố	-	-	-	(13.564.224.000)	(13.564.224.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	9.616.344.035	(12.311.763.767)	(2.695.419.732)
Số cuối năm	<u>85.000.000.000</u>	<u>(347.276.838)</u>	<u>95.110.162.913</u>	<u>20.858.096.257</u>	<u>200.620.982.332</u>
Năm nay					
Số đầu năm	85.000.000.000	(347.276.838)	95.110.162.913	20.858.096.257	200.620.982.332
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.005.862.206	30.005.862.206
Cổ tức công bố	-	-	-	(12.716.460.000)	(12.716.460.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	8.947.372.666	(14.142.808.699)	(5.195.436.033)
Số cuối năm	<u>85.000.000.000</u>	<u>(347.276.838)</u>	<u>104.057.535.579</u>	<u>24.004.689.764</u>	<u>212.714.948.505</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần	% sở hữu	Vốn cổ phần	% sở hữu
	VND		VND	
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	52.615.000.000	62	52.615.000.000	62
Các cổ đông khác	32.385.000.000	38	32.385.000.000	38
TỔNG CỘNG	85.000.000.000	100	85.000.000.000	100

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm và số cuối năm	85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ tức đã công bố trong năm	12.716.460.000	13.564.224.000
Cổ tức đã trả trong năm	(12.716.460.000)	(13.564.224.000)

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	8.500.000	8.500.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.500.000	8.500.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(22.360)	(22.360)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.477.640	8.477.640

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp, sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi, phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	30.005.862.206	26.170.573.321
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (i)	(3.000.586.221)	(2.617.057.332)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	<u>27.005.275.985</u>	<u>23.553.515.989</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>8.477.640</u>	<u>8.477.640</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	3.185	2.778

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2015.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	449.372.715.733	373.353.790.592
Trong đó		
Doanh thu bán hàng	449.372.715.733	372.372.500.812
Khác	-	981.289.780
Trừ:	(32.366.745.276)	(27.680.107.329)
Chiết khấu thương mại	(32.227.783.976)	(27.609.254.529)
Hàng bán bị trả lại	(138.961.300)	(70.852.800)
Doanh thu thuần	<u>417.005.970.457</u>	<u>345.673.683.263</u>

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	6.521.819.588	6.327.314.386
Cổ tức nhận được	325.000.000	2.925.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.708.290	31.508.655
Các khoản khác	-	2.727.272.727
TỔNG CỘNG	<u>6.866.527.878</u>	<u>12.011.095.768</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	282.128.373.388	224.854.312.035
Chi phí nhân công	56.929.197.196	47.161.195.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.063.130.067	31.608.495.378
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.849.810.218	3.739.104.021
Chi phí khác	30.168.653.348	34.358.379.378
TỔNG CỘNG	<u>402.139.164.217</u>	<u>341.721.486.171</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	18.028.956.977	11.668.128.513
Chi phí hỗ trợ bán hàng và quảng cáo	16.714.669.345	16.857.759.257
Chi phí bao bì, chai két	9.255.813.745	7.105.104.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.989.069.083	9.361.066.004
Chi phí khấu hao và hao mòn	937.659.512	931.176.195
Khác	4.292.682.588	5.078.355.381
TỔNG CỘNG	<u>58.218.851.250</u>	<u>51.001.590.086</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê đất	10.374.310.452	10.540.341.906
Chi phí nhân công	10.347.954.573	9.809.605.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.785.683.459	4.275.932.925
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.051.666.804	916.938.624
Khác	8.878.477.874	7.993.791.602
TỔNG CỘNG	<u>35.438.093.162</u>	<u>33.536.610.944</u>

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	4.265.975.480	8.916.193.953
Ghi giảm công nợ Công ty Cổ phần Vận tải Bina Sài Gòn	2.102.539.398	-
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các công cụ liên quan	1.490.049.090	-
Hỗ trợ bán hàng	-	4.545.454.545
Các khoản khác	673.386.992	4.370.739.408
Chi phí khác	(3.306.105.226)	(193.752.389)
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các công cụ liên quan	(3.305.279.739)	-
Các khoản khác	(825.487)	(193.752.389)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>959.870.254</u>	<u>8.722.441.564</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% trên lợi nhuận chịu thuế (năm 2015 là 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.883.276.489	33.031.271.079
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (năm trước: 22%)	7.030.943.266	7.266.879.638
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	600.283.237	-
Chi phí không khấu trừ	311.187.780	237.318.120
Cổ tức nhận được	(65.000.000)	(643.500.000)
Chi phí thuế TNDN	7.877.414.283	6.860.697.758

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	7.892.250.000	7.892.250.000
		Hỗ trợ bán hàng	-	4.545.454.545
		Bán hàng hóa	952.761.829	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Tây Đô	Bên liên quan	Nhận cổ tức	325.000.000	2.925.000.000
Công ty TNHH bao bì San Miguel Phú Thọ	Bên liên quan	Mua nắp chai	2.642.596.715	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khác				
Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Hỗ trợ quảng cáo	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Tây Đô	Bên liên quan	Nhận cổ tức	-	1.300.000.000
			<u>-</u>	<u>6.300.000.000</u>
Phải trả ngắn hạn nhà cung cấp				
Công ty Cổ phần Vận tải Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	-	2.102.539.398

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

			VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dưới 1 năm			5.512.113.007	5.512.113.007
Từ 1 đến 5 năm			3.952.110.400	3.952.110.400
Trên 5 năm			33.000.129.833	34.003.847.733
TỔNG CỘNG			<u>42.464.353.240</u>	<u>43.468.071.140</u>

27. HÀNG HÓA NHẬN GIỮ HỘ

			VND	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa nhận giữ hộ			<u>83.088.399.273</u>	<u>62.916.694.346</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập



Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

